

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 52/2017/HSST

Ngày: 06-12-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Khắc Thái.

Ông Dương Đắc Hoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương Hồng và ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (số 1297 đường Nguyễn Tất Thành, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo **Hồ Phan Nhật T**, tên gọi khác: K; sinh ngày 29 tháng 6 năm 1997 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ 05, khu vực 01, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Hữu L, sinh năm 1957 và bà Phan Thị H, sinh năm 1956; tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân: Từ nhỏ lớn lên sinh sống cùng với gia đình tại phường TX, thành phố H, học văn hóa đến lớp 12/12. Năm 2016, sinh viên trường Đại học Khoa học H cho đến ngày gây án.

- Ngày 13/9/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 51/2017/HSST).

- Ngày 02/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Bản án số 166/2017/HSST).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/4/2017. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:**

1. Ông La C, sinh năm 1978. Nơi cư trú: 10/44 LQĐ, thị trấn TA, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950. Nơi cư trú: 285 HTK, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

3. Ông Trần Công Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: thôn MH, thị trấn TA, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Bà Lê Thị C, sinh năm 1968. Nơi cư trú: 1249 NTT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Hữu L và bà Phan Thị H. Nơi cư trú: Tổ 05, khu vực 01, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Ông Phan Gia T, sinh năm 1949. Nơi cư trú: 4/22 TTM, phường AĐ, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Đặng Hồng Q, sinh năm 1972. Nơi cư trú: 54 XD, phường TA, thành phố H. Vắng mặt.

4. Ông Trần Anh Đ, sinh năm 1994. Nơi cư trú: 13 ĐDT, phường QT, thị xã BĐ, tỉnh Quảng B. Vắng mặt.

5. Anh Lê Quang B, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 36 NH, phường VN, thành phố H. Vắng mặt.

6. Chị Phan Thị Phương V, sinh năm 1997. Nơi cư trú: số 4/22 TTM, phường AĐ, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Tôn Nữ Thị Q, sinh năm 1950. Nơi cư trú: Trú tại: 60 PBC, phường VN, thành phố H. Có mặt.

2. Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1992. Nơi cư trú: 263 đường THĐ, phường PH, thành phố H. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 1995. Nơi cư trú: 1249 NTT, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Ông Trần Như P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 9, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Lê Thanh D; sinh năm 1944. Nơi cư trú: 166 HV, PN, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Lê Thị Hồng L, Sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ 12, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hồ Phan Nhật T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền để trả nợ và sử dụng cá nhân, Hồ Phan Nhật T đã nảy sinh ý định tìm đến các tiệm vàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để cướp giật tài sản. Để các chủ tiệm vàng tin tưởng và không nghi ngờ, T giả vờ vào hỏi mua vàng để chuẩn bị cưới vợ nhằm tiếp cận tài sản và tạo ra những thủ đoạn làm cho người bán vàng sơ hở trong việc quản lý tài sản, rồi T nhanh chóng cướp giật vàng và bỏ chạy ra xe mô tô đang dựng sẵn ở bên ngoài để tẩu thoát. Ngay sau khi chiếm đoạt được tài sản, T đem đến bán tại các tiệm vàng ở thành phố H để lấy tiền chơi game, trả nợ và tiêu xài hết.

Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ ngày 08 đến ngày 27 tháng 04 năm 2017, Hồ Phan Nhật T đã thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản ở các tiệm vàng trên địa bàn huyện PV, thành phố H và thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/04/2017, Hồ Phan Nhật T chơi game tại quán HZ 2 ở 254 ĐTH, thành phố Huế. Do thua hết tiền, T mượn xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 75F5-1392 của anh Lê Hoàng H (sinh năm 1999, trú tại: 36/15 PTL, phường KL, thành phố H, là nhân viên giữ xe quán HZ 2), rồi T mặc áo mưa, đội mũ bảo hiểm màu đen và mang khẩu trang y tế chạy theo hướng Quốc lộ 49 về thị trấn TA, huyện PV để tìm các tiệm vàng nhằm chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T phát hiện phía bên trái đường có tiệm vàng ĐC ở thôn TA, thị trấn TA, huyện PV, nên T quay xe lại, dừng xe mô tô phía ngoài đường (đầu xe hướng lên thành phố H) và để sẵn chìa khoá điện trên xe. T vào tiệm vàng gặp anh LC (sinh năm 1978, trú tại: 10/44 LQĐ, thị trấn TA, huyện PV là chủ tiệm vàng) hỏi mua vàng trang sức để cưới gồm: 01 cặp nhẫn cưới, 01 vòng vàng 01 chỉ, 01 vòng vàng 02 chỉ (loại 24K) và 01 đôi bông tai. Anh C đưa ra để trên tủ gương và nói trị giá số vàng này khoảng 25.000.000 đồng. Thấy chưa thể chiếm đoạt được tài sản, T yêu cầu anh C lấy vòng đá ở tủ gương bên cạnh để xem. Khi anh C quay sang lấy vòng đá, thì T dùng tay phải đẩy 02 chiếc nhẫn cưới ở trên tủ gương rơi xuống nền nhà ở phía trong quầy, anh C nghe tiếng nhẫn rơi, nên cúi xuống nhặt. Lợi dụng sơ hở, T dùng tay trái chụp lấy 02 vòng vàng đang ở trên tủ gương (tổng cộng 03 chỉ vàng 24K) rồi chạy nhanh ra xe tẩu thoát lên hướng thành phố H.

Đến 13 giờ cùng ngày, T đem 02 vòng vàng vừa chiếm đoạt được đến bán cho tiệm vàng BN của bà Tôn Nữ Thị Q (sinh năm 1960 ở 60 PBC, phường VN, thành phố H), với số tiền là 8.900.000 đồng. Sau đó, T chạy xe về quán HZ 2 trả lại xe cho anh H.

Ngày 28/9/2017, Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số 783/CV-TCKH cung cấp giá vàng tại thời điểm ngày 08/4/2017 là 3.470.000 đồng/01chỉ vàng 9999. Như vậy, tổng giá trị tài sản Hồ Phan Nhật T đã chiếm đoạt của anh LC là 10.410.000 đồng.

Vụ 2: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 17/4/2017, Hồ Phan Nhật T chơi game thua hết tiền, nên nảy sinh ý định đi cướp giật vàng tại các tiệm vàng, nên T liền nhắn tin qua mạng cho Lê Quang B (sinh năm 1997, trú tại: 36 NH, thành phố H) nói mượn xe đi có việc. Khoảng 15 phút sau, B điều khiển xe mô tô Airblade biển kiểm soát 75F1-231.03 đến quán net Z 1 ở 285 NT, thành phố H đưa cho T mượn, còn B vào chơi điện tử. Sau đó, T điều khiển xe chạy theo đường HTK về hướng chợ PB, thành phố H, thì phát hiện phía bên tay trái đường có tiệm vàng “TT” nên T quay xe lại, dừng xe sát lề đường và để sẵn chìa khoá điện trên xe. T đi vào tiệm vàng gặp bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1950, trú tại: 285 HTK, phường PH, thành phố H là chủ tiệm vàng) giả vờ hỏi mua vàng trang sức để cưới. Nghe vậy, bà N mời T vào trong phòng khách ngồi để giao dịch, thì T nói có khoảng 25.000.000 đồng và nhờ bà N chọn ít vàng trang sức. Tin tưởng lời nói của T, nên bà N đi vào trong nhà đưa ra 01 kiềng vàng 02 chỉ, 01 vòng vàng 02 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ (đều vàng 24K) và 01 hộp nhẫn cưới để trên bàn ở phòng khách cho

T xem, rồi nói với T “tất cả là 17.000.000 đồng, chưa kể tiền công và hỏi có lấy thêm gì nữa không?”. Lúc này, T giả vờ điện thoại cho người thân rồi nói cho bà N biết là “không mua kiềng nữa, mà mua thêm vòng tay”, nhằm mục đích cho bà N đi vào phía trong nhà để T chiếm đoạt tài sản. Thấy bà N không đi, nên T nói bà N tính tiền, thì bà N nói với T “lấy điện thoại ra để cộng tiền”, thì T nói “máy điện thoại bị hư không cộng tiền được và nói bà N đi lấy máy tính”. Bà N vừa quay lưng đi vào trong phòng lấy máy tính, thì T chụp lấy 01 vòng vàng và 01 kiềng vàng (tổng cộng 04 chỉ vàng 24K) bỏ vào túi quần và chạy ra xe tải thoát lên hướng chợ DB. Trên đường bỏ chạy, T kiểm tra túi quần thì phát hiện làm rơi 01 kiềng vàng, nên quay xe lại tìm nhưng không thấy.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đem vòng vàng vừa chiếm đoạt được đến bán cho tiệm vàng “BN” của bà Tôn Nữ Thị Q (sinh năm 1960 ở 60 PBC, phường VN, thành phố H), với số tiền là 6.700.000 đồng. Sau đó, T chạy xe về quán net Zone và nhờ B chở về phòng trọ.

Ngày 22/6/2017, Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số 1644/STC-QLGCS cung cấp giá vàng 24K (vàng 9999) tại thời điểm ngày 17/4/2017 là 3.500.000 đồng/01chỉ. Như vậy, tổng giá trị tài sản Hồ Phan Nhật T đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị N là 14.000.000 đồng.

Vụ 3: Vào khoảng 15 giờ ngày 22/4/2017, T điện thoại cho Phan GiA A (sinh năm 1998, trú tại: 6/22 TTM, thành phố H, em trai của Phan Thị Phương V - bạn gái T) mang xe mô tô Yamaha Exciter biển kiểm soát 75F1-033.66 lên đường DHT, thành phố H để cho T mượn đi có công việc, còn A ngồi chờ ở quán nước. Sau đó, T mặc áo mưa, đội mũ bảo hiểm và mang khẩu trang y tế rồi điều khiển xe chạy theo đường Quốc lộ 49 về thị trấn TA, huyện PV tìm các tiệm vàng nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi qua cầu TA, T đi vào chợ, để xe mô tô phía bên ngoài đường (đầu xe quay lên hướng thành phố H) và để sẵn chìa khoá điện ở trên xe. T đi vào tiệm vàng “DL” ở thôn AH, thị trấn TA, huyện PV gặp anh Trần Công Đ (sinh năm 1982, trú tại: thôn MH, thị trấn TA, huyện PV) hỏi mua vàng trang sức để cưới, gồm: 02 chiếc nhẫn cưới, 01 đôi bông tai và 02 vòng vàng (01 vòng vàng trơn loại 03 chỉ 24K, 01 vòng vàng chạm loại 03 chỉ, đều 24K). Nghe vậy, anh Đ lấy ra để trên tủ gương theo yêu cầu của T. Sau khi xem xong, T nói anh Đ tính tiền, thì anh Đ lấy 02 chiếc nhẫn cưới quay người sang bên trái để C lại (C để gần tủ gương). Lợi dụng trong lúc anh Đ đang C lại 02 nhẫn cưới để xem trọng lượng ở bàn bên cạnh, thì T dùng tay phải chụp 02 vòng vàng đang để trên tủ kính, rồi nhanh chóng chạy ra xe tải thoát lên hướng thành phố Huế. Trên đường tải thoát, thấy không có người đuổi theo nên T cởi áo mưa vứt dọc đường.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T đem 02 vòng vàng đến tiệm vàng “PC” bán cho anh Phạm Văn N (sinh năm 1992, ở 263 đường THĐ, phường PH, thành phố H) với số tiền là 20.220.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt, T dùng để chuộc lại xe mô tô 73E1-168.56 của anh Trần Anh Đ (sinh năm 1994, chỗ ở trọ: số 9 kiết 6 đường HN, thành phố H, là bạn cùng phòng trọ với T) cho T mượn trước đó để cầm cố tại tiệm cầm đồ “HT” của anh Đặng Hồng H (sinh năm 1972 ở 54 XD, phường TA, thành phố H), với số tiền là 12.200.000 đồng. Số tiền còn lại, T tiêu xài hết.

Ngày 28/9/2017, Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số 783/CV-TCKH cung cấp giá vàng tại thời điểm ngày 22/4/2017 là 3.485.000 đồng/01 chỉ vàng 9999. Như vậy, tổng giá trị tài sản Hồ Phan Nhật T đã chiếm đoạt của anh Trần Công Đ là 20.910.000 đồng.

Vụ 4: Vào khoảng 18 giờ 18 phút ngày 27/4/2017, Hồ Phan Nhật T điều khiển xe mô tô Honda AirBlade biển kiểm soát 75F1-231.03 của anh Lê Quang B (sinh năm 1997, trú tại: 36 NH, thành phố H đến tiệm vàng “TT” ở 1249 NTT, phường PB, thị xã HT để chiếm đoạt tài sản. Khi đến, T dựng xe mô tô ở lòng đường (đầu xe quay lên hướng thành phố H) và chìa khóa điện để sẵn ở xe mô tô. T mang khẩu trang y tế, đội mũ bảo hiểm và cầm ở tay thẻ ATM vào tiệm vàng (mục đích khi chủ tiệm bắt buộc trả tiền trước thì T nói là đi rút tiền hoặc hỏi tiệm vàng có máy thanh toán bằng thẻ ATM) gặp chị Nguyễn Thị Trà M (sinh năm 1995, con chủ tiệm vàng) hỏi “có bán vàng SJC không?”, thì chị M gọi bà Lê Thị C (sinh năm 1968, chủ doanh nghiệp hàng vàng TT) ra để bán. Bà C hỏi “mua mấy cây”, T nói “mua 01 cây”, chị T nói “01 cây thì 36 triệu đồng”, T nói đắt quá không có tiền, thì chị T nói T mua “khâu”, với giá 35 triệu đồng/01 cây, nên T yêu cầu lấy 02 chiếc nhẫn vàng và có hóa đơn. Trong lúc chị T đang viết hóa đơn thanh toán, chị M lấy bao giấy để đựng 02 nhẫn vàng và để trên mặt quầy, thì T giả vờ rút tiền ra đếm và đưa từng tờ tiền cho chị M với số tiền 1.000.000 đồng, để tìm sơ hở nhằm chiếm đoạt tài sản. Khi T giao tờ tiền cuối cùng có mệnh giá 200.000 đồng, thì T cố tình ném xuống dưới nền để chị M cúi xuống nhặt lên. Lợi dụng sơ hở, T liền giật lấy túi giấy đựng 02 nhẫn vàng đang để ở trên quầy, rồi bỏ chạy ra xe mô tô tẩu thoát.

T điều khiển xe mô tô chạy vào một đường hẻm ở gần khu vực bến xe phía Nam cởi bộ áo quần đang mặc và mũ bảo hiểm bỏ vào thùng rác (gồm: 01 áo pull màu xanh, 01 áo khoát sơ mi màu xám tay dài), rồi thay áo quần đã chuẩn bị sẵn (gồm: quần Jean màu xanh, áo phông màu trắng tay dài, đi dép màu vàng và đội mũ bảo hiểm màu đen) rồi đến tiệm vàng “TD” bán cho ông Lê Thanh D (sinh năm 1944 trú tại: 166 HV, phường PN, thành phố H) 01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ, với số tiền là 16.000.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục đến tiệm vàng “BN” của bà Tôn Nữ Thị Q (sinh năm 1960, ở 60 PBC, phường VN, thành phố H) bán cho chị Lê Thị Hồng L (sinh năm 1996, trú tại: tổ 12, phường TP, thị xã HT là nhân viên bán hàng) 01 nhẫn vàng 05 chỉ, với giá 16.800.000 đồng.

Số tiền có được, T chuộc lại xe mô tô 73E1-168.56 của anh Trần Anh Đ (sinh năm 1994, chỗ ở trọ: số 9 kiệt 6 đường HN, thành phố H, là bạn cùng phòng trọ với T) cho T mượn trước đó để cầm cố tại tiệm cầm đồ “HT” của anh Đặng Hồng H (sinh năm 1972 ở 54 XD, phường TA, thành phố H), với số tiền là 30.200.000 đồng. Số tiền còn lại, T thêm tiền mua điện thoại di động Iphone 6 tại tiệm cầm đồ “HT” với số tiền 5.000.000 đồng để tặng bạn gái Phan Thị Phương V (sinh năm 1997 ở số 4/22 TTM, phường АД, thành phố H) sử dụng.

Ngày 28/9/2017, Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số 70TC-KH cung cấp giá vàng 24K tại thời điểm ngày 27/4/2017 là 3.480.000 đồng /01 chỉ. Như vậy, giá trị tài sản Hồ Phan Nhật T đã chiếm đoạt của bà Lê Thị C là 34.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Hồ Phan Nhật T chiếm đoạt là 80.120.000 đồng (Tám mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, Hồ Phan Nhật T còn khai nhận: Vào các ngày 26 và 27 tháng 4 năm 2017, T đến 04 tiệm vàng ở các địa bàn thành phố Huế, thị xã Hương Thủy và huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế dùng thủ đoạn giả vờ hỏi mua vàng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Tuy nhiên, các chủ tiệm vàng cảnh giác và yêu cầu T phải đưa tiền trước, nên T chưa thực hiện được hành vi phạm tội. Do vậy, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý theo pháp luật.

* Vật chứng đã thu giữ gồm:

- 01 đôi giày nhãn hiệu Adidas màu đen, đế giày màu trắng; 01 đôi dép da có quai nhãn hiệu Bitas màu nâu; 01 túi xách màu đen có chữ Nike màu trắng; 01 quần rịn dài màu xanh, bọc sau có viền đỏ; 01 (Một) quần sọc màu đỏ, sau lưng quần và túi quần có ghi chữ FUTATO; 01 áo thun tay dài màu gạch có chữ STRENGTH ở phía trước; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng-trắng, IMEI 354386064055069 và 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ Louis Vuiton (do Hồ Phan Nhật T giao nộp).

- 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng, IMEI 354403065133496, kiểu máy MG4V2LL/A, không có sim và 01 xe mô tô Yamaha Exciter, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 75F1-033.66 (do Phan Thị Phương V giao nộp).

- 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Air Blade, màu trắng-xám, biển kiểm soát 75F1-231.03 và 01 túi xách da màu đà, có chữ Jeep, có dây quai đen (do Lê Quang B giao nộp).

- Một số tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội và cầm cố xe của Hồ Phan Nhật T. Tất cả các tài liệu này được lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với xe mô tô Wave màu xanh, biển kiểm soát 75F5-1392 của anh Lê Hoàng H cho Hồ Phan Nhật T mượn để thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay anh H đã bán cho người khác (không rõ tên tuổi, địa chỉ), nên cơ quan điều tra không có cơ sở để thu giữ tang vật.

* Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, gồm:

- 01 xe mô tô Honda Air Blade, biển kiểm soát 75F1-231.03 và 01 túi xách tay màu đà, có chữ Jeep, có quai đen cho anh Lê Quang B.

- 01 xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 75F1-033.66 cho anh Phan Gia T.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại gồm: anh LC, bà Nguyễn Thị N, anh Trần Công Đ và bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo Hồ Phan Nhật T bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật. Hiện bị cáo chưa bồi thường.

- Riêng bà Lê Thị C chủ tiệm vàng TT có giữ số tiền 1.200.000 đồng mà T dùng để giả vờ mua vàng nhằm chiếm đoạt tài sản.

Tại bản cáo trạng số 24/QĐ-KSĐT ngày 04/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Hồ Phan Nhật T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 136; các Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Phan Nhật T từ 5 năm đến 6 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng của vụ án và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có tại hồ sơ vụ án thấy phù hợp. Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận:

Do không có tiền để trả nợ và sử dụng cá nhân, Hồ Phan Nhật T đã nảy sinh ý định tìm đến các tiệm vàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để cướp giật tài sản với thủ đoạn: T giả vờ vào hỏi mua vàng để chuẩn bị cưới vợ nhằm tiếp cận tài sản và tạo ra những tình huống làm cho người bán vàng sơ hở trong việc quản lý tài sản, rồi nhanh chóng cướp giật vàng và bỏ chạy ra xe mô tô đang dựng sẵn ở bên ngoài để tẩu thoát. Với thủ đoạn này, trong thời gian từ ngày 08 đến ngày 27 tháng 04 năm 2017, Hồ Phan Nhật T đã thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản ở các tiệm vàng trên địa bàn huyện PV, thành phố H và thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế của anh La C, anh Trần Công Đ, bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị C để lấy tiền trả nợ và sử dụng hết. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 80.120.000 đồng (*Tám mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*).

Hành vi trên của bị cáo Hồ Phan Nhật T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, vai trò và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của người khác, thể hiện sự xem thường pháp luật mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo Hồ Phan Nhật T có quá trình nhân thân xấu, ngày 02/8/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế kết án 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 166/2017/HSST, ngày 13/9/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam kết án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 51/2017/HSST. Do vậy, cần xét xử nghiêm để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, đồng

thời đáp ứng yêu cầu phòng chống loại tội phạm này trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú khai báo những hành vi phạm tội khi chưa bị phát hiện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Các bản án số 51/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam và bản án số 166/2017/HSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã có hiệu lực thi hành, nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của các bản án này.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên toà, những người bị hại đều yêu cầu bị cáo T phải bồi thường giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt với số tiền là 80.120.000 đồng (Tám mươi triệu một trăm hai mươi ngàn đồng). Bà Lê Thị C, chủ tiệm vàng TT hiện đang tạm giữ số tiền 1.200.000 đồng mà T dùng để giả vờ mua vàng nhằm chiếm đoạt tài sản.

Do đó, cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho các người bị hại như sau:

1. Bồi thường cho anh La C 10.410.000đ.
2. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 14.000.000đ;
3. Bồi thường cho ông Trần Công Đ 20.910.000đ;
4. Bồi thường cho bà Lê Thị C 34.800.000đ, trừ đi số tiền 1.200.000 đồng bà C đang giữ của bị cáo, còn phải bồi thường 33.600.000 đồng.

Vậy tổng cộng bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 78.920.000đ.

Về xử lý vật chứng:

- 01 đôi giày nhãn hiệu Adidas màu đen, đế giày màu trắng; 01 đôi dép da có quai nhãn hiệu Bitas màu nâu; 01 túi xách màu đen có chữ Nike màu trắng; 01 quần rin dài màu xanh, bọc sau có viền đỏ; 01 (Một) quần sọc màu đỏ, sau lưng quần và túi quần có ghi chữ FUTATO; 01 áo thun tay dài màu gạch có chữ STRENGTH ở phía trước; và 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ Louis Vuiton là công cụ, phương tiện bị cáo Hồ Phan Nhật T dùng để thực hiện việc phạm tội, không có giá trị đáng kể, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng-trắng, IMEI 354386064055069 là tài sản riêng của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, IMEI 354403065133496 là tài sản bị cáo tặng cho chị Phan Thị Phương V, nay chị V giao nộp trả lại cho bị cáo, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Hồ Phan Nhật T phải chịu 5% trên số tiền còn phải bồi thường là: 78.920.000đ x 5% = 3.946.000 đồng;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hồ Phan Nhật T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 136; Điểm o, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Hồ Phan Nhật T 05 (năm) năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tổng hợp hình phạt chung của bản án này với hai bản án: Bản án số 51/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và Bản án số 166/2017/HSST ngày 02/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt bị cáo 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Hồ Phan Nhật T phải chấp hành hình phạt chung của 3 bản án là 07 (bảy) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 29/4/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 604; Điều 605; Điều 608; Điều 609; Điều 616 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại như sau:

1. Bồi thường cho ông La C: 10.410.000đ,
2. Bồi thường cho bà Nguyễn Thị N: 14.000.000đ;
3. Bồi thường cho ông Trần Công Đ: 20.910.000đ;
4. Bồi thường cho bà Lê Thị C: 33.600.000đ.

Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại số tiền là 78.920.000đ.

Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Phan Nhật T phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hồ Phan Nhật T phải chịu 3.946.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 đôi giày nhãn hiệu Adiadas màu đen, đế giày màu trắng; 01 đôi dép da có quai nhãn hiệu Bitas màu nâu; 01 túi xách màu đen có chữ Nike màu trắng; 01 quần rin dài màu xanh, bọc sau có viền đỏ; 01 (Một) quần sọc màu đỏ, sau lưng quần và túi quần có ghi chữ FUTATO; 01 áo thun tay dài màu gạch có chữ STRENGTH ở phía trước; và 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ Louis Vuiton.

- Trả lại cho bị cáo Hồ Phan Nhật T 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng-trắng, IMEI 354386064055069; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, IMEI 354403065133496 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng trên có theo Quyết định chuyển vật chứng số 11/QĐ-KSD ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người bị thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với khoản chậm trả theo lãi suất cơ

bản do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với khoản tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

*** Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Công an tỉnh (phòng PV27);
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Bị cáo; bị hại; người có qlnvql;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Lưu HS;
- Lưu VPHS; Lưu VPCQ.

Nguyễn Thanh Lộc